

Bài 1: Chọn câu phù hợp với tình huống nhất và ghi âm lại

1/ Món ăn mà bạn thích nhất là món gì?

いちばん好きなりょうりはなんですか。

いちばん好きなりよりはなんですか。

いちばん好きなりょうりはなにですか。

2/ Thứ mà bạn thích nhất là thứ gì?

いちばん好きな食べものはなんですか。

いちばん好きなものはなんですか。

いちばん好きなりょうりはなんですか。

3/ Môn thể thao mà bạn thích nhất là gì?

いちばん好きなスポーツはなんですか。

いちばん好きなスポーツはなんですか。

いちばん好きなスポーツはなんですか。

Bài 2: Hãy dịch sang tiếng Nhật và ghi âm lại

(Nếu không ghi âm được vào bài thì ghi âm gửi cô giáo)

① Món ăn mà tớ thích nhất là pizza

(ピザ = pizza)

② Thứ mà tớ thích nhất là truyện tranh

(まんが = comic)

③ Món ăn mà mẹ tớ thích nhất là rau

(やさい = vegetable)

④ Môn thể thao mà tớ thích nhất là bóng đá

(サッカー = soccer)

⑤ Thứ mà tớ thích nhất là hoạt hình

(アニメ = cartoon)

Bài 3: Chọn câu phù hợp với tình huống nhất và ghi âm lại

1/ Mẹ đã tặng vào ngày sinh nhật

母はたんじょうびに あげます。

母はたんじょうびに あげました。

母はたんじょうびに これをあげました。

2/ Bố đã tặng đồng hồ vào ngày sinh nhật

父はたんじょうびに とけをあげました。

父はたんじょうびに とけいをあげました。

父はたんじょうびに このとけいをあげました。

3/ Mẹ cậu đã tặng gì vào ngày sinh nhật?

おかあさんはおたんじょうびに なにをあげましたか？

おとうさんはおたんじょうびに なにをあげましたか？

おばあさんはおたんじょうびに なにをあげましたか？

Bài 4: Hãy dịch sang tiếng Nhật và ghi âm lại

(Nếu không ghi âm được vào bài thì ghi âm gửi cô giáo)

① Bố tớ đã tặng truyện tranh

(まんが = comic)

② Mẹ tớ đã tặng hộp bút vào ngày sinh nhật

(ペンケース = pencase)

③ Món bố tớ thích nhất là thịt dê

(やぎにく = goat meat)

④ Môn thể thao tớ thích nhất là bơi lội

(すいえい = swimming)

⑤ Môn học tớ thích nhất là Toán số

(かもく = subject, さんすう = Maths)